

HỆ THỐNG ĐỀ TÀI, CHỦ ĐỀ TRONG BỘ PHẬN VĂN CHƯƠNG CHỐNG THỰC DÂN CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Hoàng Thị Cương

Khoa Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam, Học viện Khoa học Quân sự

Tóm tắt. Bài viết sử dụng phương pháp loại hình để khảo sát hệ thống đề tài, chủ đề trong bộ phận văn chương chống chủ nghĩa thực dân của Nguyễn Đình Chiểu. Thơ văn chống chủ nghĩa thực dân của Nguyễn Đình Chiểu vừa thể hiện các đặc điểm của văn chương nhà nho chống chủ nghĩa thực dân nói chung, vừa mang những đặc điểm riêng in đậm dấu ấn cá nhân và sắc thái vùng miền. Hệ thống chủ đề - đề tài trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu xoay quanh mục tiêu “vệ đạo, bảo dân, trung quân, ái quốc”. Ông nhiệt tình bảo vệ Nho giáo trước các tôn giáo khác, do sự hạn chế về khả năng tiếp cận thông tin đã khiến ông hiểu chưa đúng về bản chất của Thiên Chúa giáo. Đối với văn minh phương Tây, Nguyễn Đình Chiểu giữ một thái độ ác cảm triệt để bởi ông nhìn nhận nó trong mối liên hệ với sự xâm lược của thực dân; cũng giống như các nhà nho cùng thời, ông đã không đầy nhận thức của mình đi xa hơn để có thể nhìn ra tính hai mặt của chủ nghĩa thực dân.

Từ khóa: phương pháp loại hình, đề tài, chủ đề, văn học chống chủ nghĩa thực dân.

1. Mở đầu

Cho đến nay, những công trình nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu với tư cách như một đại biểu có những đóng góp lớn lao vào bộ phận văn học chống chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc còn rất ít. Do đó, đây là một thách thức lớn đối với chúng tôi khi tiến hành nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu với tư cách là đại diện tiêu biểu của văn học Việt Nam trong bộ phận văn học chống chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc của nhân loại. Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu này chúng tôi cũng thừa hưởng được nhiều những kết quả nghiên cứu quan trọng của các thế hệ nhà nghiên cứu đi trước về tiểu sử, sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu trong tư cách một nhà ái quốc vĩ đại, từ đó có những cách nhìn nhận đa chiều hơn, sâu hơn để làm nổi rõ vai trò của Nguyễn Đình Chiểu trong sự hình thành bộ phận văn học yêu nước chống chủ nghĩa thực dân vào nửa sau thế kỷ XIX ở Việt Nam. Lịch sử nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu cho đến nay đã có một quá trình lâu dài, và quá trình đó đã được khảo sát và đánh giá trong chuyên luận *Lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu* do Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội ấn hành năm 2017, bên cạnh đó là bài viết của chúng tôi *Lịch sử nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu nhìn lại và hướng đến* [1]. Trong quá trình nghiên cứu đó thì giai đoạn từ sau 1975 đến nay là có nhiều thành tựu nhất so với các giai đoạn trước và giai đoạn này nổi bật với các hướng tiếp cận như: văn học sử, văn bản học, thi pháp học và thể loại [xem thêm Hoàng Thị Cương 2020, tr. 45]. Và theo quan sát của chúng tôi trong 10 năm trở lại đây hướng tiếp cận Nguyễn Đình Chiểu từ góc nhìn văn hóa đã có những thành tựu đáng lưu ý với các nghiên cứu của Trần Nho Thìn [2], Tạ Thị Thanh Huyền [3].

Ngày nhận bài: 2/10/2020. Ngày sửa bài: 29/10/2020. Ngày nhận đăng: 10/11/2020.

Tác giả liên hệ: Hoàng Thị Cương. Địa chỉ e-mail: hoangcuonghvkhs@gmail.com

Theo sự khảo sát và bao quát trong khả năng của người viết thì cho đến hiện nay chưa có công trình nào khảo sát trực diện về hệ thống chủ đề đề tài trong bộ phận văn chương chống chủ nghĩa thực dân của Nguyễn Đình Chiểu và đó là lí do để chúng tôi tiến hành khảo sát và công bố bài viết này. Đến giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX, quan niệm của nhà nho Việt Nam về độc lập, chủ quyền lãnh thổ đã có sự chuyển biến rõ nét ở 3 phương diện: độc lập dân tộc gắn liền với toàn vẹn lãnh thổ; độc lập dân tộc gắn liền với tự cường dân tộc; độc lập dân tộc gắn liền với độc lập về tư tưởng [4; 34].

Văn thơ của nhà nho giai đoạn này phản ánh rõ rệt và sâu sắc những vấn đề cấp bách nhức nhối của thời đại và đất nước, những trăn trở của nhà nho trước vận mệnh dân tộc và sứ mệnh của mình, những rạn nứt và giằng xé trong nhận thức và tư tưởng của những con người “hữu trách” ấy trước sự đổi thay, sụp đổ của lí tưởng và thể chế mà họ hằng nghĩ rằng là bất di bất dịch.

2. Nội dung nghiên cứu

Theo Trần Ngọc Vương, “có thể tóm tắt những chủ đề cơ bản trong toàn bộ sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu theo hai tuyến chủ yếu, căn cứ vào hai thái độ cơ bản của ông, biểu hiện một cách mạch lạc, mãnh liệt trong thơ văn ông - khẳng định và phủ định - là vệ đạo, bảo dân, trung quân, ái quốc, và mặt bên kia là tất cả những gì chống lại những cái đó” [5; 316] và “tất cả những chủ đề, đề tài mà Nguyễn Đình Chiểu thể hiện trong tác phẩm của mình là tiêu biểu, là điển hình cho hệ thống chủ đề, đề tài của văn học Việt Nam cuối thế kỉ XIX - cả trước khi Pháp xâm lược lẫn sau đó [...] Nhưng dòng chủ lưu của văn học thời kì này rõ ràng chảy trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu” [5; 324].

2.1. Bảo vệ Nho giáo trước Thiên Chúa giáo và các tôn giáo khác

Nếu như giai đoạn trước khi Pháp bắt đầu gây hấn ở cửa biển Đà Nẵng (1847), chủ đề tâm đắc của Nguyễn Đình Chiểu là “thực hành Nho giáo” với sự ra đời của tác phẩm *Lục Vân Tiên*, thì ở giai đoạn sau, mối quan tâm của nhà thơ lại là bảo vệ và khẳng định vị trí độc tôn của Nho giáo trước mối đe dọa của Thiên Chúa giáo - và theo sau nó là chủ nghĩa thực dân. Tác phẩm quan trọng nhất của chủ đề này chính là *Dương Từ Hà Mậu*.

Trong tác phẩm truyện Nôm dài 3456 câu thơ lục bát này, nhà thơ đã dành một dung lượng khá lớn để mô tả, chất vấn và phê phán Thiên Chúa giáo. Bị mù từ khi còn rất trẻ, có lẽ những hiểu biết của Nguyễn Đình Chiểu về Thiên Chúa giáo chỉ là qua những lời kể của người khác, đặc biệt là những bạn bè trong giới nhà nho ở Nam Bộ. Chính vì vậy, sự hiểu của ông chỉ dừng ở mức những lễ nghi thông thường hay những tín điều cơ bản nhất - dưới hình thức đã bị “tam sao thất bản” - như chính ông mô tả qua lời của nhân vật Hà Mậu:

*Chạnh lòng ta mới hỏi chàng
Xưa nay về đạo Hoa Lang thấy gì?
Mậu rằng: thấy bức tượng ghi,
Thấy cây thập ác, thấy kì đọc kinh.
Bấy ngày thấy bữa du mình,
Thấy nhà chung nhóm thấy hình cha tây.
Thường thường thấy phát bánh mì,
Thấy ban phước thánh thấy khi luận người.
Mậu rằng: lòng chẳng dám quên,
Một lời sau thác dựng lên thiên đàng.*

Như vậy, trong hiểu biết của Nguyễn Đình Chiểu, người dân theo đạo sở dĩ bị mê hoặc là bởi lời hứa hẹn về một chỗ trên thiên đàng sau khi họ chết đi. Chính từ sự hiểu như vậy, Nguyễn Đình Chiểu đã quyết tâm dựng lên trong tác phẩm một thiên đàng khác hoàn toàn dựa trên cõi

trời tượng tượng của Đạo giáo với Ngọc Hoàng là vị chúa tể của cả chín tầng trời, vây quanh là các đấng thần tiên, chỉ có hai nhân vật xuất thân người phàm và sau khi chết được phong thánh là Khổng Tử và Quan Đế. Đó hoàn toàn không phải là thiên đường của đạo Gia-tô hay bất cứ tôn giáo nào dụ hoặc con người ta bằng sự siêu thăng tới một chốn cực lạc sau khi chết: Đã không thấy Phật tử bi/Cũng không thấy Chúa Du Di trên trời. Bên cạnh đó, từ góc nhìn Nho gia, ông cũng đặt ra những chất vấn xoáy vào những điểm mà ông cho là phi lí của đạo Thiên Chúa:

*Đã kêu rằng Đức Chúa trời,
Trời sao nỡ để các nơi tranh giành?
[...]*

*Chúa trời đã có đức hay,
Sao giảng thập ác chân tay đình xiềng?
Chúa bà đã có đức hiền,
Sao đâu đội máu đít liền ngôi chông?*

Không phải là ông phủ nhận sự tồn tại của đạo Thiên Chúa, mà cốt để nói rằng đó là thứ đạo ngoại lai, xa lạ, phi lí và không phù hợp với xứ sở này. Nhưng, chưa dừng lại ở đó, Nguyễn Đình Chiểu tiếp tục đẩy vấn đề đi xa hơn nữa nhằm tăng sức thuyết phục cho quan điểm của mình về tôn giáo này bằng cách tưởng tượng ra những sự trừng phạt ghê rợn đối với kẻ theo ngoại đạo ở thế giới âm phủ:

*Cao tăng tổ khảo các hồn,
Bị con thiên cẩu đều chôn vào lòng.*

Sau khi đã bác bỏ “thuyết thiên đường” của “đạo Trời” khiến lòng người bị mê hoặc, ông khẳng định rằng chỉ “Đạo Nho là đạo trời cho” mà thôi, và khuyên người dân: *Một lòng giữ mối đạo hằng/Trau lời thánh giáo cầm dẫn nhân luân*. Và, có lẽ để hướng tới đối tượng độc giả đại chúng vốn không thể hiểu những điều cao siêu, sách vở, ông giải thích về “đạo Nho” bằng những hình ảnh, những vấn đề gần gũi với đời sống bình dân:

*Đạo trời nào phải có đâu xa
Gọi tám lòng người há thấy ra.
Theo nghĩa ai đành làm phản nước,
Có nhân đâu nỡ phụ tình nhà.
Xưa nay đời chuộng đường trung hiếu,
Sách vở còn ghi lẽ chính tà.*

Theo nhà thơ, thờ kính tổ tiên, thảo cha ngay chúa, giữ gìn nhân luân, không phản bội mảnh đất đã sinh ra mình và cho mình cơm áo, đạo ấy mới thiết thực mà ai cũng nên thực hiện và có thể thực hiện. Còn những kẻ “sống ở nước trung” mà “theo đạo nước ngoại” thì không thể gọi là “có đạo”. Những kẻ đó “*đừng mong khi chết dặng lên thiên đàng*” theo lời mị hoặc của đạo Gia-tô mà thực ra chờ sẵn lại là địa ngục với những hình phạt đáng sợ. Cách hình dung, lí giải, phủ định của Nguyễn Đình Chiểu đối với Thiên Chúa giáo tuy khá ngây thơ và có nhiều sai lạc so với hiểu biết của chúng ta ngày nay, nhưng cũng cần lưu ý rằng, trong hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ, khả năng tiếp cận thông tin về những đối tượng ngoại lai của nhà nho là rất hạn chế, thêm vào đó, tư tưởng kì thị “Hoa - Di” thâm căn cố đế đã ngăn cản họ tìm hiểu những đối tượng này với tinh thần khoa học. Chính vì cách hiểu không đúng về bản chất cốt lõi của Thiên Chúa giáo và lí do thực sự khiến đạo này chiêu mộ được tín đồ ngay trên đất của mình, đồng thời mặc nhiên xem các chuẩn mực đạo đức của Nho giáo là lí tưởng không có gì phải bàn cãi mà chỉ việc thực hành theo, những nhà nho như Nguyễn Đình Chiểu phản ứng và bài xích kịch liệt thứ “tà đạo” này, đặc biệt là trong phong trào kháng chiến ở Nam Bộ và phong trào Cần Vương, nhưng có vẻ như thiếu thuyết phục và ít hiệu quả. Sự thiếu hiểu biết về tôn giáo này cũng

nghư về phương Tây nói chung có cội nguồn sâu xa từ chính sách đối ngoại của triều Nguyễn từ khi lập quốc, đó là chính sách “không phương Tây” như Đinh Thị Dung chỉ ra [6; 178].

2.2. Nhận thức và thái độ đối với văn minh phương Tây

Đối với văn minh phương Tây, Nguyễn Đình Chiểu cũng giữ một thái độ phủ nhận triệt để như phần nhiều giới nhà nho. Điều đáng chú ý là ông nhìn nhận nó trong mối liên hệ chặt chẽ với đạo Thiên Chúa và chủ nghĩa thực dân: *Dương di ở nước phía Tây/Ham đường giàu có chuộng bề khéo khôn. Dùng câu cơ trá đa môn/Dùng muôn việc cũng máy khôn đưa làm.* Bốn câu thơ trên phản ánh quan niệm của nhà nho: con người phải thuận theo mệnh trời, theo sự sắp đặt của trời chứ không được phép cố gắng làm những việc mà chỉ có trời mới có quyền hạn. Chính vì cho rằng người phương Tây đã làm trái ý trời, có ý định “vượt phận”, nên trời mới giáng tai họa:

*Lòng trời ghét thói gian tham,
Sai con thiên cầu xuống phạm làm ương.
Liên năm theo nước Tây dương,
Ấn hồn cái lũ bội thường nghịch thiên.*

Như vậy, theo giải thích của ông, “đạo Hoa Lang” nảy sinh từ tai họa mà nguồn cơn là do con người đã “xúc phạm” tới trời. Sự phụng thờ ấy được Nguyễn Đình Chiểu hình dung dưới dạng hình thức “cúng tế” mang màu sắc nguyên thủy: *Một năm cho nộp một lần/Trăm năm hồn hóa làm phần nhương tai.* Và theo sự hình dung tưởng tượng của ông, đó chính là động cơ khiến cho các nước phương Tây đi xâm lược thuộc địa là để “bắt hồn” của người dân các nước bị xâm lược:

*Vua Tây lo sợ lâu dài,
Hồn đâu cho đủ nộp hoài liên năm.
Cùng nhau toan chước lo thâm.
Khiến người các nước đều lầm nghe va.
Đặt lên làm chức nhà cha,
Cho đi dạy đạo gần xa phỉnh người.*

Mặc dù cách hiểu về động cơ xâm lược thuộc địa cũng như mối liên hệ giữa đạo Thiên Chúa và quân đội viễn chinh ở Nguyễn Đình Chiểu là hạn chế và sai lạc như vậy, nhưng điều đáng chú ý là ý thức cảnh giác của ông về nguy cơ mất nước khi các lực lượng đó cấu kết ngoại công - nội ứng: *Dân người về đạo Tây rồi/Nước người Tây lấy mấy hồi nhọc lo.* Lí lẽ để ông chống lại kẻ xâm lược là: đất nào cũng có chủ, đã phân định rõ ràng từ xưa, không kẻ nào được phép mưu toan làm trái lại điều đó: *Xưa nay trong cuộc giang san/Vật còn có chủ ai toan chia giành?* Những lập luận này của Nguyễn Đình Chiểu gợi nhắc tới những câu thơ, câu văn hùng hồn khẳng định chủ quyền đất nước của Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trãi hay Quang Trung thuở trước.

Đồng thời, với những người dân “u mê”, ông cũng răn dạy nhằm giúp họ tỉnh ngộ bằng những đạo lí căn bản của người Việt: *Cớ sao phận ở nước trung/Lòng theo nước ngoại còn mong đạo gì?* Nếu như thái độ “bài ngoại” ở phần trên xuất phát từ tầm nhìn đối với đại cục của một nhà nho thì, từ góc độ cá nhân, ông công khai bày tỏ mối ác cảm với những kẻ ngoại nhân bằng những lời lẽ miệt thị: ông gọi người phương Tây - mà cụ thể quân đội viễn chinh - là “bạch quỷ”, thậm chí là các loài động vật dơ, cừu hôi tanh:

*Ôi! Trời buông nân quỷ trắng mấy năm.
(Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh)
Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm.
(Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc)*

Giống như rất nhiều các nhà nho khác, sự căm ghét đã khiến ông “quỷ hóa”, “động vật hóa” những kẻ xâm lược. Ông căm ghét những dấu hiệu của văn minh phương tây, nhất là những thứ đại diện cho sức mạnh quân sự của kẻ xâm lược: *Bữa thấy bông bong che trắng lốp, muốn tới ăn gan; ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ* (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*). Những nội dung trên của tác phẩm này đã cho thấy: “Nguyễn Đình Chiểu đã in đậm dấu ấn Nam Bộ trong các tác phẩm với việc sử dụng các từ ngữ mang tính phương ngữ Nam Bộ và làm toát lên được tính khí khái, thẳng thắn, yêu ghét phân minh, hào hiệp phóng khoáng (...). Nguyễn Đình Chiểu với *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*... có thể được coi là một nhà văn thành công bậc nhất ở thể loại này” [7; 43].

Ông kêu gọi người dân hãy tẩy chay mọi thứ liên quan đến người phương Tây, kể cả những vật dụng hay món ăn: *Sống làm chi ở lính Mã tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì thấy càng thêm hổ* (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*). Bản thân ông, vốn là nhà nho theo quan điểm “tri hành hợp nhất”, cũng hành động triệt để theo thái độ này: không dùng xà phòng của Tây, không đi đường Tây làm, không cho con học chữ quốc ngữ (tức chữ phiên âm tiếng Việt theo bảng chữ cái La-tinh). Tuy nhiên, đối với kẻ thù mà sự hiểu biết của ông còn quá hạn chế này, như Trần Ngọc Vương nhận định, ông “cũng như toàn bộ đẳng cấp mình [...] dừng lại ở sự bi quan và tâm lý thất bại chủ nghĩa, thừa nhận một cách uất ức ưu thế lâm thời về trí xảo của chủ nghĩa thực dân, mà không đầy nhận thức của mình đi xa hơn, để nhìn ra tính hai mặt của chủ nghĩa thực dân [...] tên kẻ cướp mang trong mình nó sức mạnh của nền văn minh phát triển cao hơn, chênh lệch hẳn với dân ta bị xâm lược một hình thái kinh tế xã hội” [5; 323-324].

2.3. Nỗi đau xót trước tình cảnh quê hương đất nước và thái độ chống thực dân xâm lược tới cùng

Khi chiến cuộc bùng nổ ở Nam Bộ, Nguyễn Đình Chiểu là một trong những sĩ phu hăng hái và nhập cuộc nhanh chóng nhất để góp những tiếng nói tố cáo, đã kích những kẻ xâm lược và cổ vũ, ngợi ca tinh thần “xả sinh thủ nghĩa” của những con người kháng chiến. Dưới ngòi bút của ông, những diễn biến nóng hổi của tình hình cuộc chiến giữa quân xâm lược và các lực lượng kháng chiến tại Nam Bộ được cập nhật liên tục: từ sự kiện đầu tiên khi Pháp nổ súng tấn công Sài Gòn - Gia Định cho đến cuộc tấn công cảm tử của những nghĩa binh nông dân Cần Giuộc, cuộc kháng chiến và sự hy sinh của Trương Định, sự hy sinh vì nghĩa của Phan Tòng, sự kiện mất ba tỉnh rồi sáu tỉnh Nam Kỳ, phong trào “tị địa” và tình cảnh “đưa chia khăn xé” ở Nam Bộ, việc Phan Thanh Giản tự vẫn sau khi giao thành cho quân Pháp. Nhà thơ bàng hoàng, xót xa trước cảnh quê hương yên bình, trù phú bỗng dưng trở thành chiến địa tan hoang: *Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây/Một bàn cờ thế phút sa tay*.

Với các phong trào kháng chiến ở Nam Bộ được Nguyễn Đình Chiểu nhiệt thành cổ vũ. Ông ngợi ca những người lãnh đạo của các phong trào kháng chiến này là những đấng anh hùng. Ông đặc biệt kính trọng và mến phục Trương Định. Nhưng hành động “kiêu chiểu đánh Tây” của Trương Định không khiến ông băn khoăn, bởi dẫu sao nó cũng trái với quan niệm “trung quân” truyền thống mà một nhà nho như Nguyễn Đình Chiểu đã thấm nhuần. Tuy nhiên, trong mắt ông, với hoàn cảnh thực tế của Nam Bộ, tính chất chính nghĩa của phong trào đó có thể xem như một lý do đúng đắn đủ để kháng lệnh triều đình khi mệnh lệnh đó đi ngược lại với lợi ích chung của cả vùng đất. Chính vì lẽ đó mà Nguyễn Đình Chiểu viển vông cả quyền của tướng ngoài biên ải lẫn chuyện “*lòng chúng chẳng nghe Thiên tử chiếu*” để biện hộ cho hành động “nghịch đạo” của Trương Định. Ông ca ngợi Trương Định như “ngôi sao Võ Khúc” giáng thế để thực hiện sứ mệnh cứu đời và xứng đáng có một vị trí trên “tám bảng phong thần” sau khi hy sinh vì nghĩa. Điều đáng chú ý là những cuộc nổi dậy tự phát tấn công quân Pháp của người nông dân Nam Bộ để bảo vệ đất đai quê hương, xứ sở cũng được nhà thơ quan tâm sâu sắc và, chính với đối tượng này, ông đã có những tác phẩm đề đời. Chỉ một bài “*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*” của ông cũng đủ thôi bùng tình thần kháng chiến và vì thế, được triều đình chỉ thị

cho lan truyền đi khắp nơi. Trong tác phẩm này, “hướng tiếp cận nhân dân với tư cách những con người bình thường” [5; 320] và việc ông đã “phát hiện ra những phẩm chất cao cả mà trong văn học trước đây chỉ được phát lộ ở những trang, những đáng, những bậc” để đưa họ trở thành một trong những nhân vật trung tâm của sáng tác [5; 320]. Tuy vậy, do sự chi phối của góc nhìn của nhà nho, ông đã “mang những giá trị tinh thần cao quý theo cách nhìn nhận của ông để lí giải sự hy sinh của họ”. Ông gán cho họ ý thức: “ở đất vua sống chẳng quên ơn”, “đền nợ nước thác coi như ngủ”, “tắc đất ngọn rau ơn chúa”, “nhớ phận áo cơm đất nước”, vốn là ý thức của kẻ sĩ, của những người ăn lộc vua, chứ không phải là của đại đa số dân chúng. Ông coi những cuộc đột kích như vậy là “trận nghĩa gửi bình tình” của người dân ở vùng đất biên viễn đang trong cơn nước lửa hướng tới chốn kinh đô.

Tuy nhiên, dù cảm phục và ngợi ca những người kháng chiến đã “xả thân thủ nghĩa”, nhất là những lãnh tụ nghĩa binh như Trương Định, Phan Tôn, như những người anh hùng, nhưng thực tế thất bại liên tiếp của phong trào kháng chiến đã khiến ông không thể không ngậm ngùi cảm thán: *Nghĩ nỗi anh hùng nạn nước, bãi khô lâu nào mấy kẻ khóc than; tưởng câu danh lợi tưởng đời, trường khối lỗi mặc dầu ai oán nức* (Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh).

Khi ba tỉnh, rồi sáu tỉnh đều rơi vào tay quân Pháp và chế độ mới bắt đầu được thiết lập, ông bày tỏ nỗi niềm cay đắng của một nhà nho khi phải chứng kiến hệ giá trị mà ông đã dành cả cuộc đời để bảo vệ bị gạt bỏ, chà đạp: *Hạ Thương đường cũ gai bò lép/Văn Vũ nền xưa lúa trở đầy*.

Tuy nhiên, với quan điểm phân biệt rạch ròi “chính-tà”, “Hoa-Dì”, Nguyễn Đình Chiểu và nhiều văn thân sĩ phu và người dân Nam Bộ đã bày tỏ thái độ bất hợp tác triệt để với kẻ xâm lược bằng phong trào “tị địa”: *Vì câu danh nghĩa phải ra đi/Day mũi thuyền nan dạ xót xa*.

2.4. Thái độ với triều đình và những kẻ hợp tác với Pháp

Từ khi Pháp nổ súng xâm lược, đối với vua và triều đình, thái độ của Nguyễn Đình Chiểu có một sự chuyển biến đáng kể, tuy không đến mức phủ định và quay lưng hoàn toàn. Thời kì đầu, tư tưởng trung quân vẫn là tư tưởng chủ đạo: *Sống thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ rành rành, một chữ ám đủ đền ơn đó* (Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc). Ngay cả khi tham gia phong trào “tị địa”, ông cũng xem hành động đó như là một biểu hiện của tấm lòng trung quân: *Người để muốn chi nung đất khách/Trời đã khiến vậy mến vua ta* (Biệt cố nhơn).

Tuy nhiên, thực tế diễn ra ở Nam Bộ kể từ sau khi triều đình ký hòa ước nhượng đất và chỉ thị cho những người tham gia phong trào kháng chiến buông vũ khí đã khiến Nguyễn Đình Chiểu dần có nhận thức khác. Ông ví Nam Kỳ lục tỉnh với U, Yên - hai mảnh đất đã bị nước Tống thua trận cắt cho nước Liêu, và ví vị vua đã để xảy ra việc cắt đất đó như Thạch Tấn - người chịu trách nhiệm cho việc để mất U, Yên. Ông tiếp tục ủng hộ phong trào kháng chiến của Trương Định, tìm cách biện hộ cho hành động “kiêu chiêu” của vị lãnh binh và liên tục dùng khái niệm “trung nghĩa” thay vì “trung quân” đối với người anh hùng. Ông ca ngợi Phan Tôn - một thầy giáo làng mộ quân để hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Phan Tôn, Phan Liêm - là “ông hữu đạo” mà người dân nên theo vào thời buổi Nam Bộ đã không còn có vua và cương thường đảo lộn: *Xe ngựa lao xao giữa cõi trần/Biết ai thiên tử, biết ai thần* (Tự thuật I). Trong quan niệm của ông, khi vua bỏ rơi trách nhiệm chở che, bảo vệ thần dân thì nghĩa vụ trung với vua của thần dân cũng không còn là bắt buộc. Như vậy, “trung quân” ở Nguyễn Đình Chiểu chỉ là “tương đối”, “ái quốc” mới là “tuyệt đối” [5; 321].

Cách nhìn nhận của Nguyễn Đình Chiểu đối với Phan Thanh Giản không quá khác biệt như nhiều nhà nho khác cùng thời. Là một nhà nho Nam Bộ, Nguyễn Đình Chiểu hiểu và ngưỡng mộ nhân cách của Phan Thanh Giản. Tuy ông không tán thành chủ trương “hòa” với Pháp mà Phan Thanh Giản đại diện, cũng như hiểu rõ vị đại thần này là người phải trực tiếp chịu trách nhiệm về việc giao thành cho quân Pháp, nhưng đối với nhân cách của con người có số phận bi

kịch ấy, ông vẫn kính trọng, và trước cái chết của Phan Thanh Giản, ông vẫn bày tỏ lòng thương tiếc, ngậm ngùi. Còn Nguyễn Đình Chiểu viết thơ điệu ông:

*Lịch sử tam triều độc khiết thân,
Vi công thủy tán nhất phương dân.
Long hồ uống phụ thư sinh lão,
Phụng các không vi học sĩ thần.
Bình tiết tàn lao sinh Phú Bật,
Tận trung hà hận rủ Trương Tuấn.
Hữu thiên Lục tỉnh tồn vong sự,
Nam đắc thung dung tự nghĩa thần.
(Điệu Phan Thanh Giản).*

Nguyễn Đình Chiểu biết rõ Phan Thanh Giản là một bậc tôi trung, một vị quan thanh liêm và mẫn cán, một lòng vì nước vì dân, ví ông như Trương Tuấn, Phú Bật. Sự còn mất của Nam Kỳ không phải chỉ do mình ông mà quyết được. Chính vì vậy, Nguyễn Đình Chiểu vẫn cho rằng linh hồn của ông xứng đáng “tựu nghĩa” cùng như con người đã hy sinh vì nghĩa cả khác. Tuy nhiên, đánh giá của Nguyễn Đình Chiểu giữa Phan Thanh Giản với các lãnh tụ nghĩa binh như Trương Định cũng có sự phân biệt thấy rõ. Ông dành riêng cho Trương Định một bài văn tế, 12 bài thơ điệu, cho Phan Tông 10 bài thơ điệu. Còn với Phan Thanh Giản, ông chỉ dành cho hai bài thơ điệu - một Hán một Nôm - và một câu văn trong bài “*Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh*”. Như vậy có thể thấy Nguyễn Đình Chiểu xem tinh thần chiến đấu tới cùng, “xả sinh thù nghĩa” của những người kháng chiến mới là lí tưởng.

Ông cũng có những bài, những câu đả kích đám người hợp tác và làm tay sai cho giặc để cầu danh lợi, nhất là những thành phần thuộc giới sĩ phu: *Muôn một cũng liều thân với nước/Cớ sao mà chịu án nương nương? (Vương Lăng biếm Trần Bình)*. Với những kẻ đó, thủ pháp “vật hóa” quen thuộc của Nguyễn Đình Chiểu là: Lũ kiến bắt tài đòi chỗ bợ/Đầu bèo vô dụng kết bè trôi. Ông thậm chí viết riêng một bài “*Hịch đánh chuột*” kêu gọi tấn công những kẻ như vậy. Ông gọi chúng là “loài vô lễ vô nghi”, “trộm dầu bàn Phật”, “cắn sách kẻ nho”, “đánh lòng mà phá đạo”.

2.5. Lựa chọn ở ẩn và bất hợp tác với chính quyền thực dân

Khi toàn bộ Nam Kỳ đã rơi vào tay Pháp, ngay cả phong trào “tị địa” cũng không còn ý nghĩa gì, Nguyễn Đình Chiểu lại viết *Ngư Tiều vấn đáp y thuật Nho y diễn ca* để nêu gương cho giới sĩ phu về cách ứng xử của “kẻ có đạo sống trong đời loạn”: *Xưa nay lẽ có thịnh suy/Gặp sao chịu vậy hỏi chi sự đời*.

Khi mọi nỗ lực hành động vì nghĩa đã thất bại, ông khuyên họ hãy biết bảo toàn sinh mệnh và tiết tháo: *Nhớ câu quân tử cố cùng/Đèn trắng quạt gió non sông phận đành*.

Đồng thời giữ vững đạo cương thường - “trân bửu” của Nho gia - trong thời buổi đảo điên:

*Nhà năm ba gánh cương thường,
Phân ai nấy giữ trọn giường thời thôi.*

Đây cũng con đường “rút lui” truyền thống của nhà nho khi gặp hoàn cảnh không thuận lợi cho việc hành đạo.

Mô hình ứng xử mà ông cổ xúy mạnh mẽ trong giai đoạn này là mô hình ứng xử của các “ân sĩ” đời xưa: *Êm lòng Sào, Hứa chơi khe biếc/Mát mặt Di, Tề ngó núi xanh*. Cụm đoạn hơn nữa, Nguyễn Đình Chiểu còn sáng tạo ra hình ảnh một nhân vật Kỳ Nhân Sư tự xông mù mắt mình để bày tỏ thái độ bất hợp tác triệt để và phủ nhận hoàn toàn những gì đang diễn ra trong xã hội mới: *Sự đời thà khuất đôi tròng thịt*.

Nhưng điểm khác biệt có lẽ chỉ có ở nhân vật ẩn sĩ của Nguyễn Đình Chiểu, đó là lí tưởng và hành động “cứu đời” không hoàn toàn bị từ bỏ mà chỉ chuyển sang hình thức khác: không thể “kinh bang tế thế” thì nhà nho đem một phần vốn tri thức của mình ra giúp những người dân trong cảnh khốn khó. Như vậy, ẩn sĩ của Nguyễn Đình Chiểu không hề quay lưng lại với đời mà chỉ quay lưng với thực thể thống trị “vô đạo”.

3. Kết luận

Hệ thống chủ đề đề tài xuyên suốt trong toàn bộ sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu là vệ đạo bảo dân trung quân ái quốc. Đó cũng là hệ thống chủ đề đề tài tiêu biểu của văn học Việt Nam cuối thế kỉ 19 cả trước và sau khi Pháp xâm lược Việt Nam. Trong bài viết này chúng tôi tập trung khảo sát các nội dung như: bảo vệ Nho giáo trước các tôn giáo khác, đặc biệt là Thiên Chúa giáo, nhận thức và thái độ đối với văn minh phương Tây, quan điểm chống thực dân xâm lược tới cùng, thái độ với triều đình và những kẻ hợp tác, làm tay sai cho Pháp, xót xa trước cảnh nước mất nhà tan và tiếc nuối, hoài vọng “nước cũ”, “ngôi cũ”, lựa chọn ở ẩn để bảo toàn tiết tháo và làm thuốc cứu người.

Thơ văn chống chủ nghĩa thực dân của Nguyễn Đình Chiểu vừa thể hiện các đặc điểm của văn chương nhà nho chống chủ nghĩa thực dân nói chung, vừa mang những đặc điểm riêng in đậm dấu ấn cá nhân và sắc thái vùng miền. Hệ thống chủ đề - đề tài trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu xoay quanh mục tiêu “vệ đạo, bảo dân, trung quân, ái quốc”. Ông nhiệt tình bảo vệ Nho giáo trước các tôn giáo khác, đặc biệt là Thiên Chúa giáo, mặc sự do sự hạn chế về khả năng tiếp cận thông tin đã khiến ông hiểu chưa đúng về bản chất của Thiên chúa giáo. Đối với văn minh phương Tây, Nguyễn Đình Chiểu giữ một thái độ ác cảm triệt để bởi ông nhìn nhận nó trong mối liên hệ với sự xâm lược của thực dân. Cũng giống như các nhà nho cùng thời, ông đã không đầy nhận thức của mình đi xa hơn để có thể nhìn ra tính hai mặt của chủ nghĩa thực dân. Ông là một trong những nhà nho tiên phong cổ vũ phong trào kháng chiến. Khi phong trào thất bại, triều đình buộc phải nhượng Nam Kỳ cho Pháp, ông đã tổ chức phong trào “tị địa” để bày tỏ thái độ bất hợp tác với kẻ xâm lược. Các sáng tác cuối đời của ông, đặc biệt là tác phẩm *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, phản ánh cách ứng xử truyền thống của Nho gia thời buổi đạo cùng: ở ẩn để bảo toàn tiết tháo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Thị Cương, 2020. “Lịch sử nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu- nhìn lại và hướng đến”. *Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội*, số (2), tr.43-50.
- [2] Trần Nho Thìn (2012), *Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [3] Tạ Thị Thanh Huyền, 2019. *Nguyễn Đình Chiểu trong không gian văn hóa Nam Bộ*. Luận án tiến sĩ Văn học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội.
- [4] Phan Thị Thu Hằng, 2019. “Quan niệm của nhà nho Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX về độc lập, chủ quyền lãnh thổ”. *Tạp chí Triết học*, Viện Triết học, số (12), tr.34-42.
- [5] Trần Ngọc Vương, 2018. *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung*. tái bản, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
- [6] Đinh Thị Dung, 2019. *Quan hệ ngoại giao của triều Nguyễn nửa đầu thế kỉ XIX*. Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [7] Dương Tuấn Anh, 2020. “Nghệ thuật biên văn trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”. *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số (2), tr.32-43.

ABSTRACT

System of topics and themes in Nguyen Dinh Chieu's anti-colonial literary style

Hoang Thi Cuong

Faculty of Vietnamese and Culture Vietnam, Military Science Academy

This paper uses typology methodology to examine the system of topics and themes in anti-colonial works written by Nguyen Dinh Chieu. The paper contends that in general Chieu's anti-colonial prose and verse present styles of Confucian scholars struggling against colonialism; and in particular, they bear the characteristics identifying individual Nguyen Dinh Chieu as well as the distinct features of regional South Vietnam. The system of topics and themes in Nguyen Dinh Chieu's literary works are centered on the very purpose of "observing ethics, protecting people, showing loyalty to King and love to country". Chieu enthusiastically defended Confucianism against other religions. He failed to well understand the nature of Christianity as a reason of limited access to information. The author had a deep-seated aversion to Western civilization for he recognized it in a connection with the invasion of colonials. Like other Confucian scholars of his time, Chieu unsuccessfully pushed his perception further so that he could notice the duality of colonialism.

Keywords: Typology methodology, topics, themes, anti-colonial literature.